HIỆP ĐỊNH

GIỮA

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ AI-XƠ-LEN

VỀ

TRÁNH ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

VÀ

NGĂN NGỪA VIỆC TRỐN LẬU THUẾ

ĐỐI VỚI CÁC LOẠI THUẾ ĐÁNH VÀO THU NHẬP

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

VÀ

CHÍNH PHỦ NƯỚC CỘNG HOÀ AI-XƠ-LEN,

Mong muốn ký kết một Hiệp định về việc tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập,

Đã thỏa thuận dưới đây:

ĐIỀU 1

PHẠM VI ÁP DỤNG

Hiệp định này được áp dụng cho các đối tượng là những đối tượng cư trú của một hoặc của cả hai Nước ký kết.

ĐIỀU 2

CÁC LOẠI THUẾ BAO GỒM TRONG HIỆP ĐỊNH

1/ Hiệp định này áp dụng đối với các loại thuế do một Nước ký kết hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hay chính quyền địa phương của Nước đó, đánh vào thu nhập, bất kể hình thức áp dụng của các loại thuế đó như thế nào.

2/ Tất cả các loại thuế thu trên tổng thu nhập, hoặc những phần của thu nhập bao gồm các loại thuế đối với lợi nhuận từ việc chuyển nhượng động sản hoặc bất động sản, các loại thuế đánh trên tổng số tiền lương hoặc tiền công do xí nghiệp trả, cũng như các loại thuế đánh vào phần vốn tăng thêm đều được coi là thuế đánh vào thu nhập.

3/ Những loại thuế hiện hành được áp dụng trong Hiệp định này là:

a. tại Việt nam:

(i) thuế thu nhập cá nhân;

(ii) thuế lợi tức; và

(iii)thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài:

(dưới đây được gọi là "thuế Việt nam");

b. tại Ai-xơ-len:

(i) thuế thu nhập quốc gia;

(ii) thuế thu nhập bổ sung;

(iii) thuế thu nhập địa phương; và

(iv) thuế đánh vào thu nhập của các tổ chức ngân hàng:

(dưới đây được gọi là "thuế Ai-xơ-len").

4/ Hiệp định này cũng sẽ được áp dụng cho các loại thuế có tính chất tương tự hay về căn bản giống như các loại thuế được ban hành sau ngày ký Hiệp định này để bổ sung, hoặc thay thế các loại thuế hiện hành. Các nhà chức trách có

thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ thông báo cho nhau biết những thay đổi cơ bản trong các luật thuế của từng Nước.

ĐIỀU 3

CÁC ĐỊNH NGHĨA CHUNG

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác:

a. từ "Việt nam" có nghĩa là nước Cộng hòa Xã hội Chủ nghĩa Việt nam; khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm toàn bộ lãnh thổ quốc gia Việt nam, kể cả lãnh hải Việt nam, và mọi vùng ở ngoài và đi liền với lãnh hải Việt nam mà theo luật pháp Việt nam và phù hợp với luật pháp quốc tế, Việt nam có quyền chủ quyền đối với việc thăm dò và khai thác tài nguyên thiên nhiên của đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên;

b. từ "Ai-xơ-len" có nghĩa là nước Cộng hoà Ai-xơ-len và, khi dùng theo nghĩa địa lý, từ đó bao gồm lãnh thổ nước Cộng hoà Ai-xơ-len kể cả lãnh hải Ai-xơ-len và mọi vùng ở ngoài lãnh hải mà theo luật pháp quốc tế, Ai-xơ-len có quyền tài phán hay quyền chủ quyền đối với đáy biển, lòng đất dưới đáy biển và khối nước ở trên, và tài nguyên thiên nhiên ở đó;

c. thuật ngữ "Nước ký kết" và "Nước ký kết kia" có nghĩa là Việt nam hay Ai-xơ-len tùy theo ngữ cảnh đòi hỏi;

d. thuật ngữ "đối tượng" bao gồm cá nhân, công ty và bất kỳ tổ chức nhiều đối tượng nào khác;

e. thuật ngữ "công ty" để chỉ các tổ chức công ty hoặc bất kỳ một thực thể nào được coi là tổ chức công ty dưới giác độ thuế;

f. thuật ngữ "xí nghiệp của Nước ký kết" và "xí nghiệp của Nước ký kết kia" theo thứ tự có nghĩa là một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của một Nước ký kết và một xí nghiệp được điều hành bởi đối tượng cư trú của Nước ký kết kia;

g. thuật ngữ "các đối tượng mang quốc tịch" có nghĩa:

(i) các cá nhân mang quốc tịch một Nước ký kết;

(ii) các pháp nhân, tổ chức hùn vốn và hiệp hội có tư cách được chấp nhận theo các luật có hiệu lực tại một Nước ký kết;

h. thuật ngữ "vận tải quốc tế" có nghĩa là bất cứ sự vận chuyển nào bằng tàu thủy hoặc máy bay được thực hiện bởi một xí nghiệp của một Nước ký kết, trừ trường hợp khi chiếc tàu thủy hoặc máy bay đó chỉ hoạt động giữa những địa điểm trong Nước ký kết kia; và

i. thuật ngữ "nhà chức trách có thẩm quyền" có nghĩa:

(i) trong trường hợp đối với Việt nam, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được ủy quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính; và

(ii) trong trường hợp đối với Ai-xơ-len, là Bộ trưởng Bộ Tài chính hoặc người đại diện được uỷ quyền của Bộ trưởng Bộ Tài chính.

2/ Trong khi một Nước ký kết áp dụng Hiệp định này tại bất kỳ thời điểm nào, bất kỳ thuật ngữ chưa được định nghĩa trong Hiệp định này sẽ có nghĩa vào thời điểm đó theo như định nghĩa trong luật của Nước đó đối với các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng, bất kỳ nghĩa nào theo các luật thuế được áp dụng sẽ có giá trị cao hơn nghĩa của thuật ngữ đó theo các luật khác của nước đó, trừ trường hợp ngữ cảnh đòi hỏi có sự giải thích khác.

ĐIỀU 4

ĐỐI TƯỢNG CƯ TRÚ

1/ Theo nghĩa của Hiệp định này, thuật ngữ "đối tượng cư trú của một Nước ký kết" có nghĩa là bất cứ đối tượng nào, mà theo các luật của Nước đó, là đối tượng chịu thuế căn cứ vào nhà ở, nơi cư trú, trụ sở điều hành, trụ sở thành lập, trụ sở đăng ký hoặc các tiêu chuẩn khác có tính chất tương tự. Tuy nhiên, thuật ngữ này không bao gồm các đối tượng là đối tượng chịu thuế tại Nước đó chỉ đối với thu nhập từ các nguồn tại Nước đó.

2/ Trường hợp theo những quy định tại khoản 1, khi một cá nhân là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, thì thân phận cư trú của cá nhân đó sẽ được xác định như sau:

a. cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà tại đó cá nhân đó có nhà ở thường trú. Nếu cá nhân đó có nhà ở thường trú ở cả hai Nước, cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó có các quan hệ cá nhân và kinh tế chặt chẽ hơn (trung tâm của các quyền lợi chủ yếu);

b. nếu như không thể xác định được Nước mà ở đó, cá nhân đó có trung tâm cac quyền lợi chủ yếu, hoặc nếu cá nhân đó không có nhà ở thường trú ở cả hai Nước thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó thường sống;

c. nếu cá nhân đó thường sống ở cả hai Nước hay không sống thường xuyên ở Nước nào thì cá nhân đó sẽ được coi là đối tượng cư trú chỉ của Nước mà cá nhân đó mang quốc tịch;

d. nếu cá nhân đó là đối tượng mang quốc tịch của cả hai Nước hay không mang quốc tịch của cả hai Nước này thì các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ giải quyết vấn đề đó bằng thỏa thuận chung.

3/ Trường hợp do những quy định tại khoản 1, khi một đối tượng không phải là cá nhân, là đối tượng cư trú của cả hai Nước ký kết, lúc đó, đối tượng trên sẽ được coi là đối tượng cư trú của Nước có trụ sở đăng ký của đối tượng đó. Tuy nhiên, trường hợp đối tượng đó có trụ sở đăng ký tại một trong hai Nước và trụ sở điều hành thực tế của đối tượng đó nằm tại Nước kia, khi đó nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ xác định Nước mà đối tượng đó sẽ là đối tượng cư trú theo nghĩa của Hiệp định này bằng thoả thuận chung. Trong

trường hợp không đạt được thoả thuận chung như trên, thì theo nội dung của Hiệp định này, tại mỗi Nước ký kết đối tượng đó sẽ không được coi là đối tượng cư trú của nước ký kết kia.

ĐIỀU 5

CƠ SỞ THƯỜNG TRÚ

1/ Theo nội dung của Hiệp định này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" có nghĩa là một cơ sở kinh doanh cố định mà qua đó xí nghiệp thực hiện toàn bộ hay một phần hoạt động kinh doanh của mình.

2/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" chủ yếu bao gồm:

a. trụ sở điều hành;

b. chi nhánh;

c. văn phòng;

d. nhà máy;

e. xưởng;

f. mỏ, giếng dầu hoặc khí, mỏ đá hoặc bất kỳ địa điểm khai thác tài nguyên thiên nhiên nào khác; và

g. công trình lắp đặt, hoặc thiết bị được sử dụng để thăm dò các nguồn tài nguyên thiên nhiên ngoài khơi.

3/ Thuật ngữ "cơ sở thường trú" cũng bao gồm:

a. một địa điểm xây dựng, công trình xây dựng, lắp ráp hoặc lắp đặt hoặc các hoạt động giám sát có liên quan, nhưng chỉ khi địa điểm, công trình hoặc các hoạt động đó kéo dài trong giai đoạn hơn sáu tháng;

b. việc cung cấp các dịch vụ, bao gồm cả dịch vụ tư vấn do một xí nghiệp thực hiện thông qua người làm công cho xí nghiệp hay một đối tượng khác được xí nghiệp uỷ nhiệm thực hiện tại Nước ký kết kia, nhưng chỉ trong trường hợp những hoạt động mang tính chất nói trên (trong cùng một dự án hoặc một dự án có liên quan) kéo dài tại một Nước trong khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại hơn sáu tháng trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng.

4/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, thuật ngữ "cơ sở thường trú" sẽ được coi là không bao gồm:

a. việc sử dụng các phương tiện riêng cho mục đích lưu kho hoặc trưng bày hàng hóa hay tài sản của xí nghiệp;

b. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp chỉ với mục đích lưu kho hoặc trưng bày;

c. việc duy trì kho hàng hóa hoặc tài sản của xí nghiệp với mục đích chỉ để cho xí nghiệp khác gia công;

d. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ nhằm mục đích mua hàng hóa hoặc tài sản hay để thu thập thông tin cho xí nghiệp đó;

e. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích tiến hành bất kỳ hoạt động nào khác mang tính chất phụ trợ hoặc chuẩn bị cho xí nghiệp;

f. việc duy trì một cơ sở kinh doanh cố định chỉ với mục đích kết hợp bất kỳ hoạt động nào nêu từ điểm (a) đến điểm (e), với điều kiện toàn bộ hoạt động của cơ sở kinh doanh cố định từ sự kết hợp trên mang tính chất chuẩn bị hay phụ trợ.

5/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, trường hợp một đối tượng - trừ đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7 - hoạt động tại một Nước ký kết thay mặt cho một xí nghiệp của Nước ký kết kia, xí nghiệp đó sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước thứ nhất đối với các hoạt động mà đối tượng này thực hiện cho xí nghiệp, nếu đối tượng đó:

a. có và thường xuyên thực hiện tại Nước thứ nhất thẩm quyền ký kết các hợp đồng đứng tên xí nghiệp, trừ khi các hoạt động của đối tượng này chỉ giới hạn trong phạm vi các hoạt động nêu tại khoản 4 mà những hoạt động đó nếu được thực hiện thông qua một cơ sở kinh doanh cố định sẽ không làm cho cơ sở kinh doanh cố định này trở thành một cơ sở thường trú theo những quy định tại khoản đó; hay

b. không có thẩm quyền trên, nhưng thường xuyên duy trì tại Nước thứ nhất một kho hàng hoá hoặc tài sản, từ đó đối tượng trên thường xuyên thực hiện việc giao hàng hoá hoặc tài sản đại diện cho xí nghiệp.

6/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, một tổ chức bảo hiểm của một Nước ký kết, trừ trường hợp tái bảo hiểm, sẽ được coi là có cơ sở thường trú tại Nước ký kết kia nếu tổ chức đó thu phí bảo hiểm hoặc bảo hiểm các rủi ro tại Nước kia thông qua một đối tượng không phải là một đại lý có tư cách độc lập được điều chỉnh bởi khoản 7.

7/ Một xí nghiệp sẽ không được coi là có cơ sở thường trú ở một Nước ký kết chỉ vì xí nghiệp đó chỉ thực hiện hoạt động kinh doanh tại Nước kia thông qua một đại lý môi giới, một đại lý hoa hồng hoặc bất kỳ một đại lý nào khác có tư cách độc lập, với điều kiện những đối tượng này hoạt động trong khuôn khổ kinh doanh thông thường của họ. Tuy nhiên, khi các hoạt động của đại lý đó giành toàn bộ hay hầu như toàn bộ cho hoạt động đại diện cho xí nghiệp đó, đại lý đó sẽ không được coi là đại lý có tư cách độc lập theo nghĩa của khoản này.

8/ Việc một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết kiểm soát hoặc chịu sự kiểm soát bởi một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia hoặc tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước kia (có thể thông qua một cơ sở thường trú hay dưới hình thức khác), sẽ không làm cho bất kỳ công ty nào trở thành cơ sở thường trú của công ty kia.

ĐIỀU 6

THU NHẬP TỪ BẤT ĐỘNG SẢN

1/ Thu nhập mà một đối tượng cư trú tại một Nước ký kết thu được từ bất động sản (kể cả thu nhập từ nông nghiệp hoặc lâm nghiệp) nằm tại Nước ký kết kia thì có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Thuật ngữ "bất động sản" sẽ có nghĩa theo như luật của Nước ký kết nơi có bất động sản đó. Thuật ngữ này trong mọi trường hợp sẽ bao gồm cả những phần tài sản phụ kèm theo bất động sản, đàn gia súc và thiết bị sử dụng trong nông nghiệp và lâm nghiệp, các quyền lợi được áp dụng theo như những quy định tại luật chung về điền sản, quyền sử dụng bất động sản và các quyền được hưởng các khoản thanh toán thay đổi hay cố định trả cho việc khai thác hay quyền khai thác các mỏ, nguồn khoáng sản và các tài nguyên thiên nhiên khác; các tàu thủy và máy bay sẽ không được coi là bất động sản.

3/ Những quy định tại khoản 1 sẽ áp dụng đối với thu nhập phát sinh từ việc trực tiếp sử dụng, cho thuê hay sử dụng các loại bất động sản dưới bất kỳ hình thức nào khác.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 3 cũng sẽ áp dụng cho thu nhập từ bất động sản của một xí nghiệp và đối với thu nhập từ bất động sản được sử dụng để thực hiện các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập.

ĐIỀU 7

LỢI TỨC DOANH NGHIỆP

1/ Lợi tức của một xí nghiệp của một Nước ký kết sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ trường hợp xí nghiệp có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia. Nếu xí nghiệp có hoạt động kinh doanh theo cách trên, thì các khoản lợi tức của xí nghiệp có thể bị đánh thuế tại Nước kia, nhưng chỉ trên phần lợi tức phân bổ cho:

a. cơ sở thường trú đó;

b. việc bán tại Nước kia các hàng hoá hoặc tài sản cùng loại hay tương tự với các loại hàng hoá hoặc tài sản được bán thông qua cơ sở thường trú đó; hoặc

c. các hoạt động kinh doanh khác được thực hiện tại Nước kia cùng loại hay tương tự với những hoạt động được thực hiện thông qua cơ sở thường trú đó.

2/ Thể theo các quy định tại khoản 3, khi một xí nghiệp của một Nước ký kết tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, thông qua một cơ sở thường trú tại Nước kia, thì tại mỗi Nước ký kết sẽ có những khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú nói trên mà cơ sở đó có thể thu được, nếu nó là một xí nghiệp riêng, tách biệt cùng tham gia vào các hoạt động như nhau hay tương tự trong cùng những điều kiện như nhau hay tương tự và có quan hệ hoàn toàn độc lập với xí nghiệp mà cơ sở đó được coi là cơ sở thường trú.

3/ Trong khi xác định lợi tức của một cơ sở thường trú, cơ sở này sẽ được phép khấu trừ các khoản chi phí phát sinh phục vụ cho mục đích kinh doanh của cơ sở thường trú này, bao gồm cả chi phí điều hành và chi phí quản lý chung cho dù chi phí đó phát sinh tại Nước nơi cơ sở thường trú đó đóng hoặc ở bất kỳ nơi nào khác. Tuy nhiên, sẽ không cho phép tính vào các khoản chi phí được trừ bất kỳ khoản tiền nào, nếu có, do cơ sở thường trú trả cho (trừ khi là khoản thanh toán các chi phí thực tế) trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào khác của xí nghiệp dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay bất kỳ khoản thanh toán nào tương tự khác để được phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho cơ sở thường trú vay, trừ trường hợp tiền lãi của cơ sở ngân hàng. Cũng tương tự, trong khi xác định lợi tức của cơ sở thường trú sẽ không tính đến các khoản tiền (trừ các khoản tiền thanh toán các chi phí thực tế) do cơ sở thường trú thu từ trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng

khác của xí nghiệp, dưới hình thức tiền bản quyền, các khoản lệ phí hay các khoản thanh toán tương tự để cho phép sử dụng bằng phát minh hay các quyền khác, hay dưới hình thức tiền hoa hồng trả cho việc thực hiện các dịch vụ riêng biệt hay trả cho công việc quản lý, hay dưới hình thức lãi tính trên tiền cho trụ sở chính của xí nghiệp hay bất kỳ văn phòng nào của xí nghiệp vay, trừ trường hợp lãi từ tiền cho vay của cơ sở ngân hàng.

4/ Không nội dung nào tại Điều này ảnh hưởng tới việc áp dụng bất kỳ luật nào của một Nước ký kết liên quan tới việc xác định nghĩa vụ thuế của một đối tượng trong các trường hợp mà thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền của Nước đó không đủ để có thể xác định các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú, với điều kiện là luật này sẽ được áp dụng, trong phạm vi thông tin cung cấp cho nhà chức trách có thẩm quyền cho phép, phù hợp với các nguyên tắc tại Điều này.

5/ Trường hợp tại một Nước ký kết vẫn thường xác định các khoản lợi tức phân bổ cho cơ sở thường trú trên cơ sở phân chia tổng lợi tức của xí nghiệp thành các phần khác nhau, thì không có nội dung nào tại khoản 2 ngăn cản Nước ký kết đó xác định lợi tức chịu thuế theo cách phân chia theo thông lệ đó; tuy nhiên, phương pháp phân chia được áp dụng như vậy phải đưa ra kết quả phù hợp với những nguyên tắc của Điều này.

6/ Theo nội dung những khoản trên, các khoản lợi tức được phân bổ cho cơ sở thường trú sẽ được xác định theo cùng một phương pháp qua các năm trừ khi có đủ lý do chính đáng để thay đổi phương pháp tính.

7/ Khi lợi tức bao gồm các khoản thu nhập được đề cập riêng tại các Điều khác của Hiệp định này, thì các quy định của các Điều đó không bị ảnh hưởng bởi những quy định tại Điều này.

ĐIỀU 8

VẬN TẢI HÀNG KHÔNG VÀ VẬN TẢI BIỂN

1/ Lợi tức do một xí nghiệp của một Nước ký kết thu được từ hoạt động của các tàu thủy hoặc máy bay trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 cũng sẽ áp dụng cho các khoản lợi tức thu được từ việc tham gia vào một tổ hợp, một liên doanh hay một hãng hoạt động quốc tế.

ĐIỀU 9

NHỮNG XÍ NGHIỆP LIÊN KẾT

Khi:

a) một xí nghiệp của một Nước ký kết tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia, hoặc

b) các đối tượng cùng tham gia trực tiếp hoặc gián tiếp vào việc quản lý, kiểm soát hoặc góp vốn vào một xí nghiệp của một Nước ký kết và vào một xí nghiệp của Nước ký kết kia,

và trong cả hai trường hợp, trong mối quan hệ tài chính và thương mại giữa hai xí nghiệp trên có những điều kiện được đưa ra hoặc áp đặt khác với điều kiện được đưa ra giữa các xí nghiệp độc lập, lúc đó mọi khoản lợi tức mà một xí nghiệp có thể thu được nếu không có những điều kiện trên nhưng nay vì những điều kiện này mà xí nghiệp đó không thu được, sẽ vẫn bị một Nước ký kết tính vào các khoản lợi tức của xí nghiệp đó và bị đánh thuế tương ứng.

ĐIỀU 10

TIỀN LÃI CỔ PHẦN

1/ Tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền lãi cổ phần đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần thì thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá:

a. 10 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần nếu đối tượng thực hưởng là một công ty (không phải là một tổ chức hùn vốn) nắm giữ trực tiếp ít nhất 25 phần trăm vốn của công ty trả lãi cổ phần;

b. 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần trong tất cả các trường hợp khác.

Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ xây dựng phương thức áp dụng giới hạn này bằng thoả thuận chung.

Khoản này sẽ không ảnh hưởng tới việc đánh thuế công ty đối với lợi tức dùng để chia lãi cổ phần.

3/ Mặc dù có các quy định tại điểm (a) khoản 2, chừng nào theo các luật của một Nước ký kết tiền lãi cổ phần do một công ty là đối tượng cư trú của Nước đó trả có thể được khấu trừ vào lợi tức chịu thuế hoặc có thể được chuyển sang năm sau như lỗ trong hoạt động của công ty đó dưới giác độ thuế thu nhập, tiền lãi cổ phần do công ty đó trả cho một đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết thứ nhất và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền lãi cổ phần, thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 15 phần trăm đối với phần tiền lãi cổ phần được khấu trừ vào lợi tức chịu thuế của công ty hoặc có thể được chuyển sang năm sau như một khoản lỗ hoạt động của công ty.

4/ Thuật ngữ "tiền lãi cổ phần" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là thu nhập từ cổ phần, hoặc các quyền khác, không kể các khoản nợ, được hưởng lợi tức, và thu nhập từ các quyền lợi công ty khác phải chịu thuế giống như thu nhập từ cổ phần theo các luật của Nước nơi công ty chia lãi cổ phần là đối tượng cư trú.

5/ Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng trong trường hợp đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia, nơi công ty trả tiền lãi cổ phần là đối tượng cư trú thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước đó, hay tiến hành tại Nước kia các hoạt đông dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền nắm giữ các cổ phần được hưởng tiền lãi cổ phần, có sự liên hệ thực tế đến cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Khi một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết có lợi tức hay thu nhập phát sinh từ Nước ký kết kia thì Nước kia có thể không đánh thuế đối với những khoản tiền lãi cổ phần do công ty này trả, trừ trường hợp những khoản tiền lãi cổ phần này được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, hoặc quyền nắm giữ cổ phần có các khoản tiền lãi cổ phần được trả có sự liên hệ thực tế với một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, đồng thời Nước kia cũng không buộc các khoản lợi tức không chia của công ty trên phải chịu thuế đối với những khoản lợi tức không chia của công ty, cho dù những khoản tiền lãi cổ phần được chia hoặc các khoản lợi tức không chia bao gồm toàn bộ hay một phần các khoản lợi tức hoặc thu nhập phát sinh tại Nước kia.

ĐIỀU 11

LÃI TỪ TIỀN CHO VAY

1/ Lãi từ tiền cho vay phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Tuy nhiên, khoản tiền lãi này cũng có thể bị đánh thuế ở Nước ký kết nơi phát sinh lãi và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu người nhận là đối tượng thực hưởng các khoản tiền lãi này thì mức thuế khi đó được tính sẽ không vượt quá 10 phần trăm của tổng số khoản lãi từ tiền cho vay. Các nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ xây dựng phương thức áp dụng giới hạn này bằng thỏa thuận chung.

3/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2,

a. lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Việt Nam sẽ được miễn thuế Việt Nam nếu số tiền lãi đó được trả cho:

(i) Nhà nước Ai-xơ-len, một cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc một tổ chức hợp pháp của Nhà nước đó,

(ii) Ngân hàng Trung ương Ai-xơ-len;

(iii) Quỹ Vay Công nghiệp hoặc Quỹ Phát triển Công nghiệp, hoặc bất kỳ tổ chức tương tự nào khác được nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thoả thuận trong từng thời kỳ;

(iv) bất kỳ tổ chức nào khác tương tự như những tổ chức được đề cập tới tại điểm (iii) được nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thoả thuận trong từng thời kỳ;

b. lãi từ tiền cho vay phát sinh tại Ai-xơ-len sẽ được miễn thuế Ai-xơ-len nếu lãi từ tiền cho vay được trả cho:

(i) Chính phủ Việt Nam, một cơ quan chính quyền cơ sở, chính quyền địa phương hoặc một tổ chức hợp pháp của Chính phủ đó;

(ii) Ngân hàng Nhà nước Việt Nam;

(iii) một tổ chức hợp pháp, hoặc bất kỳ tổ chức nào khác có vốn thuộc sở hữu toàn bộ hay chủ yếu của Chính phủ nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam được nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết thoả thuận trong từng thời kỳ.

4/ Thuật ngữ "lãi từ tiền cho vay" dùng ở Điều này có nghĩa là thu nhập từ các khoản cho vay dưới bất kỳ dạng nào, có hay không được đảm bảo bằng thế chấp và có hoặc không có quyền được hưởng lợi tức của người đi vay, và đặc biệt là khoản thu nhập từ chứng khoán của Chính phủ và thu nhập từ trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường, kể cả các khoản tiền thưởng và giải thưởng kèm theo các khoản chứng khoán, trái phiếu hoặc trái phiếu thông thường đó. Tiền phạt thanh toán chậm sẽ không được coi là lãi từ tiền cho vay theo nội dung của Điều này.

5/ Những quy định tại khoản 1, 2 và 3 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản lãi từ tiền cho vay là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi phát sinh các khoản lãi từ tiền cho vay thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hoặc thực hiện tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia và khoản nợ có các khoản tiền lãi được trả có sự liên hệ thực tế với (a) cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó hoặc (b) với hoạt động kinh doanh nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này, các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

6/ Lãi từ tiền cho vay sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi người trả chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, cơ quan chính quyền địa phương, hoặc đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi đối tượng trả lãi có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến các khoản nợ đã phát sinh các khoản lãi này, và khoản tiền lãi đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì dù đối tượng có là đối tượng cư trú của một Nước ký kết hay không, khoản tiền lãi này sẽ vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

7/ Trường hợp do mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả lãi và đối tượng hưởng lãi hoặc giữa cả hai đối tượng trên và các đối tượng khác, khoản lãi tiền cho vay được trả cho khoản nợ có liên quan, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng đi vay và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ này, thì khi đó, các quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ đặc biệt trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét tới các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 12

TIỀN BẢN QUYỀN

1/ Tiền bản quyền phát sinh tại một Nước ký kết và được trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia.

2/ Tuy nhiên, những khoản tiền bản quyền đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi phát sinh, và theo các luật của Nước đó, nhưng nếu đối tượng nhận là đối tượng thực hưởng tiền bản quyền thì mức thuế được tính khi đó sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số tiền bản quyền.

3/ Thuật ngữ "tiền bản quyền" được sử dụng trong Điều này có nghĩa là các khoản thanh toán ở bất kỳ dạng nào được trả cho việc sử dụng, hoặc quyền sử dụng, bản quyền tác giả của một tác phẩm văn học, nghệ thuật hay khoa học, kể cả phim điện ảnh hoặc phim hoặc các loại băng dùng cho phát thanh hoặc truyền hình, bằng phát minh, nhãn hiệu thương mại, thiết kế hoặc mẫu, đồ án, công thức hoặc quy trình bí mật, hệ thống máy tính hay phần mềm mạng máy tính, hay trả cho việc sử dụng, hay quyền sử dụng thiết bị công nghiệp, thương mại hoặc khoa học, hay trả cho thông tin liên quan đến các kinh nghiệm công nghiệp, thương mại hoặc khoa học.

4/ Những quy định tại khoản 1 và 2 sẽ không áp dụng nếu đối tượng thực hưởng các khoản tiền bản quyền, là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, tiến hành hoạt động kinh doanh tại Nước ký kết kia nơi có khoản tiền bản quyền phát sinh, thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia, hoặc tiến hành tại Nước kia các hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định nằm tại Nước kia, và quyền hay tài sản có các khoản tiền bản quyền được trả có sự liên hệ thực tế với a) cơ sở thường trú hoặc với cơ sở cố định đó hoặc b) các hoạt động kinh doanh được nêu tại điểm (c) khoản 1 Điều 7. Trong trường hợp này các quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

5/ Tiền bản quyền sẽ được coi là phát sinh tại một Nước ký kết khi đối tượng trả tiền bản quyền chính là Nhà nước đó, chính quyền cơ sở, cơ quan chính quyền địa phương hoặc là đối tượng cư trú của Nước đó. Tuy nhiên, khi một đối tượng trả tiền bản quyền, là hay không là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có ở một Nước ký kết một cơ sở thường trú hay một cơ sở cố định liên quan đến trách nhiệm trả tiền bản quyền đã phát sinh và tiền bản quyền đó do cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định đó chịu thì khoản tiền bản quyền này sẽ

vẫn được coi là phát sinh ở Nước nơi cơ sở thường trú hay cơ sở cố định đó đóng.

6/ Trường hợp vì mối quan hệ đặc biệt giữa đối tượng trả và đối tượng thực hưởng hoặc giữa cả hai đối tượng trên với các đối tượng khác, khoản tiền bản quyền được trả cho việc sử dụng, quyền hoặc thông tin, vì bất cứ lý do gì, vượt quá khoản tiền được thỏa thuận giữa đối tượng trả tiền và đối tượng thực hưởng khi không có mối quan hệ đặc biệt này, thì các quy định của Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với khoản tiền thanh toán khi không có mối quan hệ trên. Trong trường hợp này, phần thanh toán vượt sẽ bị đánh thuế theo các luật của từng Nước ký kết có xem xét đến các quy định khác của Hiệp định này.

ĐIỀU 13

LỢI TỨC TỪ CHUYỂN NHƯỢNG TÀI SẢN

1/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được từ việc chuyển nhượng bất động sản được nêu tại Điều 6 và nằm tại Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng động sản là một phần của tài sản kinh doanh của một cơ sở thường trú mà một xí nghiệp của một Nước ký kết có tại Nước ký kết kia hoặc động sản thuộc một cơ sở cố định của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết có ở Nước ký kết kia để tiến hành hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập, kể cả lợi tức từ việc chuyển nhượng cơ sở thường trú đó (riêng cơ sở thường trú đó hoặc cùng với toàn bộ xí nghiệp) hoặc cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

3/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng tàu thủy hoặc máy bay do xí nghiệp của một Nước ký kết điều hành trong vận tải quốc tế hoặc động sản gắn liền với việc hoạt động của các tàu thủy hay máy bay đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết đó.

4/ Lợi tức do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần hay các quyền lợi tương ứng trong một công ty mà tài sản của công ty đó bao gồm toàn bộ hay chủ yếu bất động sản nằm tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

5/ Lợi tức thu được từ việc chuyển nhượng các cổ phần trong một công ty là đối tượng cư trú của một Nước ký kết không phải là những cổ phần được đề cập tới tại khoản 4 có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

6/ Lợi tức từ việc chuyển nhượng bất kỳ tài sản nào khác với những tài sản đã được nêu tại khoản 1, 2, 3, 4 và 5 sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi đối tượng chuyển nhượng là đối tượng cư trú.

ĐIỀU 14

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN ĐỘC LẬP

1/ Thu nhập do một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động dịch vụ ngành nghề hay các hoạt động khác có tính chất độc lập sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó trừ các trường hợp sau, khi đó các khoản thu nhập đó cũng có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia:

a. Nếu đối tượng đó thường xuyên có tại Nước ký kết kia một cơ sở cố định để thực hiện các hoạt động này; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phân bổ cho cơ sở cố định đó có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết kia; hoặc

b. Nếu đối tượng đó có mặt tại Nước ký kết kia trong khoảng thời gian hay nhiều khoảng thời gian gộp lại đến hay vượt quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng nào bắt đầu hoặc kết thúc trong năm tài chính có liên quan; trong trường hợp đó, chỉ phần thu nhập phát sinh từ các hoạt động của đối tượng đó được thực hiện tại Nước kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Thuật ngữ "dịch vụ ngành nghề" bao gồm chủ yếu những hoạt động khoa học, văn học, nghệ thuật, giáo dục hay giảng dạy mang tính chất độc lập như các hoạt động độc lập của các thầy thuốc, bác sĩ, luật sư, kỹ sư, kiến trúc sư, nha sĩ và kế toán viên.

ĐIỀU 15

HOẠT ĐỘNG DỊCH VỤ CÁ NHÂN PHỤ THUỘC

1/ Thể theo các quy định tại Điều 16, 18, 19, 20 và 21 các khoản tiền lương, tiền công, và các khoản tiền thù lao tương tự khác do một đối tượng cư trú của Nước ký kết thu được từ lao động làm công sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó, trừ khi công việc của đối tượng đó được thực hiện tại Nước ký kết kia. Nếu công việc lao động được thực hiện như vậy, số tiền công trả cho lao động đó có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

2/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1, tiền công do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ lao động làm công tại Nước ký kết kia sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước thứ nhất nếu:

a) người nhận tiền công hiện có mặt tại Nước kia trong một thời gian hoặc nhiều thời gian gộp lại không quá 183 ngày trong bất kỳ giai đoạn 12 tháng liên tục bắt đầu hay kết thúc trong năm tài chính liên quan, và

b) chủ lao động hay người đại diện chủ lao động trả tiền công lao động không phải là đối tượng cư trú tại Nước kia, và

c) số tiền thù lao không phải phát sinh tại một cơ sở thường trú hoặc cơ sở cố định mà đối tượng chủ lao động có tại Nước kia.

3/ Mặc dù có những quy định trên của Điều này, tiền công từ công việc làm trên tàu thủy hoặc máy bay do một xí nghiệp của một Nước ký kết hoạt động trong vận tải quốc tế sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 16

THÙ LAO CHO GIÁM ĐỐC

Các khoản thù lao cho giám đốc và các khoản thanh toán tương tự khác do một đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận được với tư cách là thành viên của ban giám đốc hoặc các bộ phận tương tự khác của một công ty là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 17

NGHỆ SĨ VÀ VẬN ĐỘNG VIÊN

1/ Mặc dù có những quy định tại Điều 15 và 16, thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được với tư cách người biểu diễn như diễn viên sân khấu, diễn viên điện ảnh, nghệ sĩ phát thanh hay truyền hình, hoặc nhạc công, hoặc với tư cách là vận động viên từ những hoạt động cá nhân của mình thực hiện tại Nước ký kết kia, có thể bị đánh thuế ở Nước kia.

2/ Trường hợp thu nhập liên quan đến các hoạt động trình diễn cá nhân của người biểu diễn hoặc vận động viên nhưng không được trả cho bản thân người biểu diễn hoặc vận động viên, mà trả cho một đối tượng khác thì thu nhập này có thể bị đánh thuế tại Nước ký kết nơi diễn ra những hoạt động trình diễn của người biểu diễn hoặc vận động viên, mặc dù đã có những quy định tại điều 7, 15 và 16.

3/ Mặc dù đã có những quy định tại khoản 1 và 2, thu nhập do các nghệ sĩ hoặc vận động viên là đối tượng cư trú của một Nước ký kết thu được từ các hoạt động tại Nước ký kết kia theo khuôn khổ chương trình trao đổi văn hoá giữa hai Chính phủ của hai Nước ký kết, sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết kia.

ĐIỀU 18

TIỀN LƯƠNG HƯU

1/ Thể theo các quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu và các khoản tiền thù lao tương tự khác được trả cho một cá nhân là đối tượng cư trú của một Nước ký kết do các công việc đã làm trước đây sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Mặc dù có các quy định tại khoản 1, và quy định tại khoản 2 Điều 19, tiền lương hưu được trả và các quyền lợi khác dù được cấp định kỳ hay một lần, theo luật bảo hiểm xã hội của một Nước ký kết hay theo bất kỳ chương trình công nào do một Nước ký kết tổ chức vì mục đích phúc lợi xã hội có thể bị đánh thuế tại Nước đó.

ĐIỀU 19

PHỤC VỤ NHÀ NƯỚC

1/a.Tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác, trừ tiền lương hưu, do một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó trả cho một cá nhân đối với việc phục vụ cho Nhà nước hoặc chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b.Tuy nhiên khoản tiền lương, tiền công và các khoản tiền thù lao tương tự khác nói trên sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu việc phục vụ này được thực hiện tại Nước kia và nếu cá nhân này là đối tượng cư trú của Nước kia, đồng thời:

(i) là đối tượng mang quốc tịch của Nước kia; hoặc

(ii) không trở thành đối tượng cư trú của Nước kia chỉ đơn thuần vì thực hiện những công việc trên.

2/a.Bất kỳ khoản tiền lương hưu nào do một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc cơ quan chính quyền địa phương của Nước đó hoặc do các quỹ của những cơ quan đó lập ra trả cho một cá nhân đối với công việc phục vụ cho Nhà nước hoặc các cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương đó sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

b.Tuy nhiên, những khoản tiền lương hưu này sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước ký kết kia nếu cá nhân này là đối tượng cư trú và là đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia.

3/ Các quy định của Điều 15, 16 và 18 sẽ áp dụng đối với những khoản tiền lương, tiền công và tiền thù lao tương tự khác và lương hưu đối với các công việc liên quan đến một hoạt động kinh doanh được tiến hành bởi một Nước ký kết hoặc cơ quan chính quyền cơ sở hoặc chính quyền địa phương của Nước đó.

ĐIỀU 20

SINH VIÊN VÀ THỰC TẬP SINH

Những khoản tiền mà một sinh viên hay thực tập sinh nhận được để trang trải các chi phí sinh hoạt, học tập hay đào tạo mà người sinh viên hay thực tập sinh này ngay trước khi đến một Nước ký kết đã hoặc đang là người cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước thứ nhất chỉ với mục đích học tập hay đào tạo, sẽ không bị đánh thuế tại Nước đó, với điều kiện những khoản tiền đó có nguồn gốc từ bên ngoài Nước này.

ĐIỀU 21

GIÁO VIÊN, GIÁO SƯ VÀ NHÀ NGHIÊN CỨU

1/ Một cá nhân, người hiện nay hay ngay trước khi sang một Nước ký kết đã là đối tượng cư trú của Nước ký kết kia và hiện có mặt tại Nước ký kết thứ nhất với mục đích chủ yếu là giảng dạy, thuyết trình hay tiến hành nghiên cứu tại một trường đại học, trường cao đẳng, trường học hay cơ sở giáo dục hoặc cơ sở nghiên cứu khoa học được Chính phủ của Nước ký kết thứ nhất chấp nhận sẽ được miễn thuế tại Nước ký kết thứ nhất đối với tiền công trả cho công việc giảng dạy, thuyết trình hay nghiên cứu trong một khoảng thời gian 2 năm kể từ ngày đầu tiên cá nhân đó đến Nước ký kết thứ nhất.

2/ Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với thu nhập từ việc nghiên cứu nếu việc nghiên cứu này được một cá nhân tiến hành vì lợi ích công cộng và trước tiên không phải vì lợi ích riêng của một hay nhiều đối tượng khác.

ĐIỀU 22

THU NHẬP KHÁC

1/ Những khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết, bất kể phát sinh ở đâu, chưa được đề cập đến trong các Điều trên của Hiệp định này, sẽ chỉ bị đánh thuế tại Nước đó.

2/ Những quy định tại khoản 1 sẽ không áp dụng đối với thu nhập, trừ thu nhập từ bất động sản được định nghĩa tại khoản 2 Điều 6, nếu đối tượng nhận khoản thu nhập đó là đối tượng cư trú của một Nước ký kết, có tiến hành kinh doanh tại Nước ký kết kia thông qua một cơ sở thường trú nằm tại Nước kia hay thực hiện tại Nước kia những hoạt động dịch vụ cá nhân độc lập thông qua một cơ sở cố định tại Nước kia, và quyền hay tài sản liên quan đến số thu nhập được chi trả có sự liên hệ thực tế với cơ sở thường trú hay cơ sở cố định nói trên. Trong trường hợp như vậy những quy định tại Điều 7 hoặc Điều 14, tùy từng trường hợp, sẽ được áp dụng.

3/ Mặc dù có những quy định tại khoản 1 và 2, các khoản thu nhập của một đối tượng cư trú của một Nước ký kết chưa được đề cập tới tại các Điều trước của Hiệp định này và phát sinh tại Nước ký kết kia cũng có thể bị đánh thuế tại Nước kia.

ĐIỀU 23

CÁC BIỆN PHÁP XÓA BỎ VIỆC ĐÁNH THUẾ HAI LẦN

1/ Tại Việt nam việc đánh thuế hai lần sẽ được xóa bỏ như sau:

Trường hợp một đối tượng cư trú của Việt nam thu được thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ việc chuyển nhượng tài sản mà theo luật của Ai-xơ-len và phù hợp với Hiệp định này có thể bị đánh thuế tại Ai-xơ-len, Việt nam sẽ cho khấu trừ vào thuế Việt nam thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ chuyển nhượng tài sản một khoản tiền tương đương với số thuế đã nộp tại Ai-xơ-len. Tuy nhiên, số thuế được khấu trừ sẽ không vượt quá số thuế Việt nam trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức từ việc chuyển nhượng tài sản đó được tính phù hợp với các luật và quy định về thuế của Việt nam trước khi thực hiện khấu trừ.

2/ Tại Ai-xơ-len, việc đánh thuế hai lần sẽ được xoá bỏ như sau:

a. Trường hợp một đối tượng cư trú của Ai-xơ-len thu được các khoản thu nhập mà theo các quy định của Hiệp định này sẽ chỉ bị đánh thuế hoặc có thể bị đánh thuế tại Việt nam, căn cứ vào quy định của điểm b, khoản này, Ai-xơ-len sẽ cho trừ vào thuế thu nhập Ai-xơ-len phần thuế thu nhập của Ai-xơ-len ap dụng cho thu nhập thu được từ Việt nam được tính theo cùng cách tính và cùng thuế suất như các khoản thuế thu nhập Ai-xơ-len khác thu trên thu nhập không phải từ Việt nam.

b. Trường hợp một đối tượng cư trú của Ai-xơ-len thu được các khoản thu nhập mà theo các quy định của khoản 2 và 3 Điều 10, khoản 2 Điều 11, khoản 2 Điều 12, khoản 4 và 5 Điều 13, khoản 1 và 3 Điều 15, Điều 16, khoản 1 và 2 Điều 17, khoản 2 Điều 18 và khoản 3 Điều 22 có thể bị đánh thuế tại Việt nam, Ai-xơ-len sẽ cho trừ vào thuế thu trên thu nhập của đối tượng cư trú đó một khoản tương đương với số thuế đã nộp tại Việt nam. Tuy nhiên, số thuế được trừ sẽ không vượt quá phần thuế phân bổ cho những khoản thu nhập thu được từ Việt nam như đã tính trước khi khấu trừ.

c. Theo nội dung của điểm (b) khoản này, số thuế nộp tại Việt nam trong bất kỳ trường hợp nào sẽ được coi là 15 phần trăm tổng số tiền lãi cổ phần, lãi từ tiền cho vay, tiền bản quyền thu được từ Việt nam. Các quy định tại điểm này sẽ được áp dụng trong giai đoạn 15 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực thi hành.

ĐIỀU 24

KHÔNG PHÂN BIỆT ĐỐI XỬ

1. Những đối tượng mang quốc tịch của một Nước ký kết sẽ không phải chịu thuế tại Nước ký kết kia bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các đối tượng mang quốc tịch của Nước ký kết kia trong cùng những hoàn cảnh như nhau đặc biệt là trong vấn đề cư trú.

2/ Thuế đối với một cơ sở thường trú của một xí nghiệp của một Nước ký kết đặt tại Nước ký kết kia sẽ không kém thuận lợi hơn thuế áp dụng đối với các xí nghiệp của Nước ký kết kia cùng thực hiện những hoạt động tương tự. Quy định này sẽ không được hiểu là buộc một Nước ký kết phải dành cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào về thân phận dân sự và trách nhiệm gia đình mà Nước ký kết thứ nhất dành cho những đối tượng cư trú của mình.

3/ Các xí nghiệp của một Nước ký kết có toàn bộ hay một phần vốn thuộc sở hữu hoặc chịu sự kiểm soát, trực tiếp hay gián tiếp, bởi một hay nhiều đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, sẽ không phải chịu ở Nước thứ nhất bất kỳ hình thức thuế nào hay bất kỳ yêu cầu nào liên quan đến hình thức thuế đó khác với hay nặng hơn hình thức thuế và các yêu cầu liên quan hiện đang và có thể áp dụng cho các xí nghiệp tương tự khác của Nước thứ nhất.

4/ Những quy định của khoản 2 và 3 Điều này sẽ không áp dụng đối với thuế chuyển lợi nhuận ra nước ngoài của Việt nam, mà thuế này trong bất kỳ trường hợp nào sẽ không vượt quá 10 phần trăm tổng số lợi tức chuyển ra nước ngoài, và thuế Việt nam đối với các hoạt động sản xuất nông nghiệp.

5/ Trừ trường hợp các quy định tại khoản 1 Điều 9 hoặc khoản 6 Điều 12 được áp dụng, tiền bản quyền và những khoản tiền thanh toán khác không phải là lãi từ tiền cho vay do xí nghiệp của một Nước ký kết trả cho đối tượng cư trú của Nước ký kết kia, khi xác định lợi tức chịu thuế của xí nghiệp đó, sẽ được khấu trừ theo cùng những điều kiện như khi những khoản tiền này được trả cho một đối tượngcư trú của Nước thứ nhất.

6/ Không có quy định nào tại Điều này sẽ được hiểu là buộc từng Nước ký kết phải dành cho các cá nhân không phải là đối tượng cư trú của Nước đó được hưởng bất kỳ suất miễn thu cá nhân, khoản miễn và giảm thuế nào mà Nước đó dành cho những cá nhân là đối tượng cư trú được hưởng.

7/ Mặc dù có các quy định tại Điều này, chừng nào Việt nam tiếp tục cấp giấy phép cho các nhà đầu tư theo Luật Đầu tư Nước ngoài tại Việt nam, trong đó có quy định chế độ thuế áp dụng cho nhà đầu tư, việc đánh thuế như vậy sẽ không bị coi là vi phạm các quy định tại khoản 2 và 3 Điều này.

8/ Những quy định tại Điều này sẽ chỉ áp dụng đối với các loại thuế chịu sự điều chỉnh của Hiệp định.

ĐIỀU 25

THỦ TỤC THỎA THUẬN SONG PHƯƠNG

1/ Trường hợp một đối tượng là đối tượng cư trú của một Nước ký kết nhận thấy rằng việc giải quyết của nhà chức trách có thẩm quyền tại một hay cả hai Nước ký kết làm cho hay sẽ làm cho đối tượng đó phải nộp thuế không đúng theo những quy định của Hiệp định này, lúc đó đối tượng này có thể giải trình trường hợp của mình với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết nơi đối tượng đó là đối tượng cư trú, mặc dù trong luật trong nước của hai Nước ký kết đã quy định những chế độ xử lý khiếu nại. Trường hợp đó phải được giải trình trong thời hạn 3 năm kể từ lần thông báo giải quyết đầu tiên dẫn đến hình thức thuế áp dụng không đúng với những quy định của Hiệp định.

2/ Nhà chức trách có thẩm quyền sẽ cố gắng, nếu như việc khiếu nại là hợp lý và nếu bản thân nhà chức trách đó không thể đi đến một giải pháp thỏa đáng, phối hợp với nhà chức trách có thẩm quyền của Nước ký kết kia để cùng giải quyết trường hợp khiếu nại bằng sự thỏa thuận chung, nhằm mục đích tránh đánh thuế không phù hợp với nội dung của Hiệp định này. Bất kỳ thỏa thuận nào đạt được sẽ được áp dụng không căn cứ vào bất kỳ giới hạn thời gian nào ghi trong luật trong nước của hai Nước ký kết.

3/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ cố gắng giải quyết mọi khó khăn hay vướng mắc nảy sinh trong quá trình áp dụng Hiệp định này. Hai bên cũng có thể trao đổi với nhau nhằm xóa bỏ việc đánh thuế hai lần trong những trường hợp chưa được quy định trong Hiệp định.

4/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết có thể trực tiếp liên hệ với nhau với mục đích nhằm đạt được một thỏa thuận theo nội dung của những khoản trên đây. Các nhà chức trách có thẩm quyền, thông qua trao đổi, sẽ xây dựng các thủ tục, điều kiện, biện pháp và kỹ thuật thích ứng song phương để thực hiện thủ tục thoả thuận song phương được quy định tại điều này.

ĐIỀU 26

TRAO ĐỔI THÔNG TIN

1/ Nhà chức trách có thẩm quyền của hai Nước ký kết sẽ trao đổi với nhau những thông tin cần thiết cho việc triển khai thực hiện những quy định của Hiệp định này hay của các luật trong nước của hai Nước ký kết liên quan đến các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng sao cho việc đánh thuế theo các luật trong nước sẽ không trái với Hiệp định này, đặc biệt nhằm ngăn chặn việc trốn, hay lậu các loại thuế đó. Mọi thông tin do một Nước ký kết nhận được sẽ được giữ bí mật giống như thông tin thu nhận theo các luật trong nước của Nước đó và sẽ chỉ được cung cấp cho các đối tượng hay các cơ quan chức trách (bao gồm cả tòa án và các cơ quan hành chính) có liên quan đến việc tính toán, thu, cưỡng chế hay truy tố hoặc xác định các khiếu nại về các loại thuế mà Hiệp định này áp dụng. Các đối tượng hoặc các cơ quan chức trách này sẽ chỉ sử dụng các thông tin đó vào các mục đích nêu trên. Các đối tượng và các cơ quan đó có thể cung cấp các thông tin này trong quá trình tố tụng công khai của tòa án hay trong các quyết định của tòa án.

2/ Không có trường hợp nào những quy định tại khoản 1 được giải thích là buộc một Nước ký kết có nghĩa vụ:

(a) thực hiện các biện pháp hành chính khác với luật pháp hay thông lệ về quản lý hành chính của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

(b) cung cấp những thông tin không thể thu thập được theo các luật hay trong khuôn khổ quản lý hành chính thông thường của Nước ký kết đó hay của Nước ký kết kia;

(c) cung cấp những thông tin có thể làm tiết lộ bí mật về mậu dịch, thương mại, công nghiệp, thương nghiệp hay bí mật nghề nghiệp hoặc các phương thức kinh doanh, hoặc cung cấp những thông tin mà việc tiết lộ các thông tin này có thể trái với chính sách nhà nước.

ĐIỀU 27

CÁC VIÊN CHỨC NGOẠI GIAO VÀ LÃNH SỰ

Không nội dung nào trong Hiệp định này sẽ ảnh hưởng đến những ưu đãi về thuế được dành cho các viên chức ngoại giao hoặc các viên chức lãnh sự theo những nguyên tắc chung của luật pháp quốc tế hay những quy định trong các hiệp định đặc biệt.

ĐIỀU 28

HIỆU LỰC

1/ Từng Nước ký kết sẽ thông báo cho Nước ký kết kia bằng văn bản thông qua đường ngoại giao việc hoàn thành các thủ tục cần thiết theo quy định của luật pháp Nước mình để Hiệp định có hiệu lực. Hiệp định này sẽ có hiệu lực vào ngày thông báo sau cùng.

2/ Hiệp định này sẽ có hiệu lực thi hành:

a. đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm tiếp theo năm dương lịch mà Hiệp định này có hiệu lực và trong các năm dương lịch tiếp sau đó;

b. đối với các khoản thuế khác thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp theo năm dương lịch mà Hiệp định có hiệu lực và trong các năm dương lịch tiếp sau đó.

ĐIỀU 29

KẾT THÚC

Hiệp định này sẽ vẫn còn hiệu lực cho tới khi một trong hai Nước ký kết tuyên bố kết thúc. Từng Nước ký kết thông qua đường ngoại giao, có thể kết thúc Hiệp định bằng cách gửi cho Nước ký kết kia văn bản thông báo kết thúc Hiệp định ít nhất 6 tháng trước khi kết thúc bất kỳ năm dương lịch nào bắt đầu sau thời hạn 5 năm kể từ ngày Hiệp định có hiệu lực. Trong trường hợp như vậy, Hiệp định sẽ hết hiệu lực thi hành:

a. đối với các khoản thuế khấu trừ tại nguồn, liên quan đến các khoản thu nhập chịu thuế được chi trả vào ngày hoặc sau ngày 1 tháng 1 của năm tiếp theo năm dương lịch gửi thông báo kết thúc và trong các năm dương lịch tiếp sau đó;

b. đối với các khoản thuế khác, thu trên thu nhập, lợi tức hay lợi tức chuyển nhượng tài sản phát sinh trong năm dương lịch tiếp theo năm dương lịch gửi thông báo kết thúc Hiệp định và trong những năm dương lịch tiếp sau đó.

ĐỂ LÀM BẰNG những người được ủy quyền của từng Chính phủ dưới đây đã ký vào Hiệp định này.

Hiệp định được làm thành hai bản tại Hà Nội vào ngày 03/4/2002, bằng các thứ tiếng: tiếng Việt, tiếng Ai-xơ-len và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau giữa các văn bản, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./.

TM. CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Nguyễn Sinh Hùng
Bộ trưởng Bộ Tài chính

TM. CHÍNH PHỦ
NƯỚC CỘNG HÒA AI-XƠ-LEN

Ô-láp-phua Ê-gin-xón
Đại sứ

NGHỊ ĐỊNH THƯ

Tại thời điểm ký kết Hiệp định giữa Chính phủ nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt nam và Chính phủ nước Cộng hoà Ai-xơ-len về tránh đánh thuế hai lần và ngăn ngừa việc trốn lậu thuế đối với các loại thuế đánh vào thu nhập, những người ký tên dưới đây đã thoả thuận những điều khoản sau đây sẽ là một bộ phận hợp thành của Hiệp định.

Hai bên đều hiểu là thuế đánh vào tiền lương của Ai-xơ-len được dùng để trang trải cho hệ thống bảo hiểm xã hội của Ai-xơ-len căn cứ vào Đạo luật số 113 từ năm 1990 sẽ không bao gồm trong khoản 2 Điều 2 của Hiệp định này.

ĐỂ LÀM BẰNG những người được uỷ quyền của từng Chính phủ dưới đây, đã ký vào Nghị định thư này.

Nghị định thư được làm thành hai bản tại Hà Nội vào ngày 03/4/2002, bằng các thứ tiếng: tiếng Việt, tiếng Ai-xơ-len và tiếng Anh, tất cả các văn bản đều có giá trị ngang nhau. Trường hợp có sự giải thích khác nhau giữa các văn bản, bản tiếng Anh sẽ có giá trị quyết định./

TM. CHÍNH PHỦ **NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**	TM. CHÍNH PHỦ **NƯỚC CỘNG HÒA AI-XƠ-LEN**
Nguyễn Sinh Hùng Bộ trưởng Bộ Tài chính	Ô-láp-phua Ê-gin-xon Đại sứ